

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *213*/STNMT-MT

Điện Biên, ngày *09* tháng 11 năm 2019

V/v cung cấp thông tin xác định các chỉ tiêu kỹ thuật về khoảng cách, cách ly an toàn về môi trường, vùng chịu ảnh hưởng đối với các công trình: thu gom xử lý CTR đô thị; thu gom xử lý nước thải đô thị, xử lý bùn cặn và hệ thống thoát nước và xử lý bùn bở phốt đô thị và các công trình liên quan

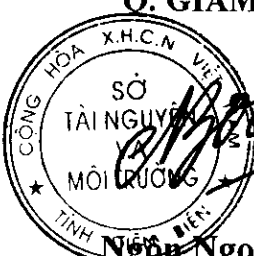
Kính gửi: Bộ Xây dựng

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 397/BXD - VP ngày 24/10/2019 của Bộ Xây dựng về việc điều tra, khảo sát thu thập thông tin xác định các chỉ tiêu kỹ thuật về khoảng cách, cách ly an toàn về môi trường, vùng chịu ảnh hưởng đối với các công trình: thu gom xử lý CTR đô thị; thu gom xử lý nước thải đô thị, xử lý bùn cặn và hệ thống thoát nước và xử lý bùn bở phốt đô thị và các công trình liên quan;

Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin xác định các chỉ tiêu kỹ thuật về khoảng cách, cách ly an toàn về môi trường, vùng chịu ảnh hưởng đối với các công trình: thu gom xử lý CTR đô thị; thu gom xử lý nước thải đô thị, xử lý bùn cặn và hệ thống thoát nước và xử lý bùn bở phốt đô thị và các công trình liên quan tại Phiếu điều tra, khảo sát N01 và Phiếu điều tra, khảo sát N02 kèm theo gửi Bộ Xây dựng tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục BVMT;
- Lưu VT.

Q. GIÁM ĐỐC

Ngôn Ngọc Khuê

PHIẾU ĐIỀU TRA KHẢO SÁT N01

Nhiệm vụ sự nghiệp môi trường năm 2019: “Điều tra, khảo sát xác định các chỉ tiêu kỹ thuật về khoảng cách ly an toàn về môi trường, vùng chịu ảnh hưởng đối với các công trình: thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị; thu gom và xử lý nước thải đô thị, xử lý bùn cặn của hệ thống thoát nước và xử lý bùn bể phốt đô thị và các công trình liên quan”

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

Tỉnh: Điện Biên Thành phố/ Thị xã: Điện Biên Phủ

1. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN (CTR) CỦA TỈNH

1.1. Thông tin về hiện trạng khối lượng CTR phát sinh, tình hình thu gom và xử lý

Chất thải rắn sinh hoạt: trên địa bàn tỉnh Điện Biên tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 225,8 tấn/ngày; tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại khu vực đô thị đạt 90%, tại khu dân cư nông thôn và làng nghề đạt 12%.

Các loại chất thải rắn khác: Tổng khối lượng chất thải y tế của các cơ sở y tế phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 3.000 kg/ngày. Tỷ lệ thu gom chất thải y tế nguy hại đạt 100%, tỷ lệ thu gom chất thải y tế thông thường đạt 90%.

Chất thải rắn công nghiệp phát sinh khoảng 95 tấn/ngày, chủ yếu chất thải từ ngành công nghiệp khai khoáng; tỷ lệ thu gom đạt 80% (khoảng 76 tấn/ngày);

1.2. Thông tin về hiện trạng trung chuyển CTR, tình hình thu gom và vận chuyển

Hiện nay trên địa bàn tỉnh rác được tập kết tại các điểm tập kết đã quy định, được thu gom và vận chuyển bằng xe chuyên dụng đến các khu xử lý.

Năng lực thu gom, vận chuyển (phương tiện vận chuyển): Tại khu vực đô thị các công ty dịch vụ môi trường đã đầu tư trang thiết bị, phương tiện xe cơ giới đảm bảo để thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo quy định; Tại khu vực nông thôn, các Hợp tác xã vệ sinh môi trường hoặc tổ vệ sinh môi trường của địa phương đã đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTR trên địa bàn.

Các đơn vị thu gom, vận chuyển hiện nay cơ bản đáp ứng được nhu cầu thu gom, vận chuyển khối lượng chất thải phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Việc thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện được, một phần do thiếu nguồn vốn, nguồn nhân lực để triển khai thực hiện còn thiếu, ý thức của cộng đồng dân cư chưa cao, chưa nhận thức hết được lợi ích của công tác thu gom, phân loại rác thải.

1.3. Thông tin về hiện trạng xử lý chất thải rắn

Các biện pháp (công nghệ) xử lý CTR hiện đang áp dụng:

Tên công nghệ xử lý	Chôn lấp	Ủ phân hữu cơ	Đốt	Khu liên hợp Xử lý CTR	Khác ^(*) (đề nghị ghi rõ ở dưới nếu có)
Tỷ lệ CTR xử lý (%)	8 (42%)		10 (51%)	1 (5%)	

1.4. Cơ quan quản lý CTR của tỉnh/TP

Tổ chức bộ máy quản lý theo quy định đã giao cho các sở, ban ngành căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước theo lĩnh vực, cụ thể:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường trên địa bàn toàn tỉnh; thẩm định các chỉ tiêu môi trường và đa dạng sinh học trong các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên tỉnh và công tác bảo tồn, khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học...

Định kỳ, đột xuất thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án và cơ sở; kịp thời phát hiện các sai phạm và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh lựa chọn địa điểm thực hiện các dự án đầu tư xây dựng bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh, khu xử lý CTR, nước thải sinh hoạt phù hợp với quy hoạch được duyệt; phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan cân đối nguồn vốn và tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn đầu tư phát triển để thực hiện theo kế hoạch từng năm để xây dựng các khu xử lý CTR, nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Sở Xây dựng: Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng về cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn và nước thải tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung;

Tham mưu cho UBND tỉnh việc lập, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch quản lý chất thải rắn của tỉnh cho phù hợp theo từng thời kỳ; chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, vận hành các bãi chôn lấp hợp vệ sinh, các khu xử lý chất thải rắn.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, chất thải trong nông nghiệp; đặc biệt là hoạt động thu gom đối với thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

- Sở Y tế: Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động mai táng, hỏa táng; tổ chức việc thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của bệnh viện, cơ sở y tế; đặc biệt việc thu gom, xử lý đối với chất thải rắn y tế nguy hại và nước thải y tế.

- Sở Công thương: Tham mưu cho UBND tỉnh việc lập, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch; đầu tư cơ sở hạ tầng, các công trình thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải tại cụm công nghiệp.

- Sở Giao thông vận tải: Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, quản lý phương tiện giao thông vận tải.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, du lịch.

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Chủ trì huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.

- Công an tỉnh: Chủ trì tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng chống tội phạm về môi trường và bảo đảm an ninh trật tự trong lĩnh vực môi trường; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.

- Ủy ban nhân dân các cấp:

Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện; chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan.

Hàng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Thực hiện việc xây dựng, vận hành các bãi chôn lấp hợp vệ sinh, các khu xử lý chất thải rắn; tổ chức thu gom, xử lý rác thải, nước thải phát sinh theo quy định.

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

1.5. Tổng số cơ sở xử lý CTR trong tỉnh/TP:

Hiện trên địa bàn tỉnh có 19 cơ sở xử lý chất thải rắn. UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 27/12/2014; theo đó, xây dựng 01 khu xử lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh (Nhà máy xử lý rác thải Điện Biên tại xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên) để xử lý chất thải rắn tại thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và các

vùng phụ cận huyện Điện Biên và 09 khu xử lý cấp vùng huyện để xử lý chất thải rắn khu vực trung tâm huyện và vùng phụ cận của huyện.

Chất thải rắn Y tế: Đã ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch quản lý chất thải y tế tỉnh Điện Biên đến năm 2020 tại Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 16/7/2015; Ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Điện Biên tại Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 08/8/2017.

Toàn tỉnh quy hoạch 8 cụm công nghiệp (CCN) với tổng diện tích 196,1 ha; trong đó, có 2 CCN được quy hoạch chi tiết là CCN Na Hai (huyện Điện Biên) và CCN phía đông huyện Tuần Giáo.

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HIỆN TRẠNG CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN (BAO GỒM CÁC BÃI CHÔN LẤP CTR) CỦA TỈNH

2.1. Các thông tin chung về các cơ sở xử lý CTR trên địa bàn Tỉnh

Bảng 1. Thông tin về cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

TT	Tên nhà máy/cơ sở/khu xử lý/ bãi chôn lấp chất thải rắn	Địa điểm, diện tích	Phạm vi tiếp nhận	Công suất xử lý thực tế (tấn/năm)	Công nghệ xử lý	Thời gian bắt đầu vận hành	Tình trạng hoạt động
1	Bãi chôn lấp rác thải Noong Bua	Phường Noong Bua, TP. Điện Biên Phủ 49.000 m ²	Thành phố Điện Biên Phủ và các xã lân cận của huyện Điện Biên	25.575	Chôn lấp không HVS	1996	Quá tải, đang xử lý, đóng cửa trong thời gian tới
2	Bãi rác vệ sinh môi trường khu tái định cư Đồi Cao, thị xã Mường Lay	Khu tái định cư Đồi Cao, TX.. Mường Lay 58.000 m ²	Thị xã Mường Lay	1.977	Chôn lấp không HVS	2015	Đang hoạt động
3	Bãi chôn lấp Púng Mìn, H Điện Biên (Đã đầu tư 01 lò đốt rác thải sinh hoạt)	H. Điện Biên 4000 m ²	huyện Điện Biên	394	Lò đốt kết hợp chôn lấp hợp vệ sinh	2014	Đang hoạt động
4	Bãi chôn lấp rác thải thị trấn Điện Biên Đông, H.Điện Biên Đông	TT. Điện Biên Đông 100.000 m ²	Thị trấn Na Son và các xã lân cận	1080	Chôn lấp HVS	2016	Đang hoạt động
5	Lò đốt rác thải bằng khí tự nhiên huyện Mường Ảng	TT. Mường Ảng 3564 m ²	Thị trấn Mường Ảng và các xã lân cận	1627	Đốt rác bằng khí tự nhiên	2014	Đang hoạt động

6	Bãi chôn lộ thiên thị trấn Mường Chà	TT. Mường Chà 700 m ²	Thị trấn Mường Chà	1.446	Chôn lấp không HVS	2010	Đang hoạt động
7	Bãi chôn lấp bán Nậm Pồ, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé	H. Mường Nhé 100.000 m ²	Xã Mường Nhé và các xã lân cận	1194	Chôn lấp HVS	2009	Đang hoạt động/có khả năng mở rộng
8	Bãi chôn lấp Huổi Sang, H. Nậm Pồ	TT. H Nậm Pồ 500 m ²	Trung tâm huyện và các xã lân cận	361	Chôn lấp không HVS	2007	Đang hoạt động/
9	Bãi chôn lấp núi Phi Dinh, H. Tủa Chùa	TT. Tủa Chùa 3000 m ²	Thị trấn Tủa Chùa và các xã lân cận	1258	Chôn lấp không HVS	2010	Đang hoạt động/
10	Bãi chôn lấp TT. Tuần Giáo, H. Tuần Giáo	TT. Tuần Giáo 15800 m ²	Thị trấn Tuần Giáo và các xã lân cận	2827	Chôn lấp hợp vệ sinh	2010	Đang hoạt động/có khả năng mở rộng

Bảng 2. Thông tin về cơ sở xử lý chất thải rắn khác (trừ chất thải rắn sinh hoạt)

T T	Tên nhà máy/cơ sở/khu xử lý/ bãi chôn lấp chất thải rắn	Địa điểm, diện tích	Phạm vi tiếp nhận	Công suất xử lý thực tế	Công nghệ xử lý	Thời gian bắt đầu vận hành	Tình trạng hoạt động
1	Cụm 1 Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	Tổ 6, Phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ	Bệnh viện đa khoa tỉnh; Các đơn vị y tế trên địa bàn thành phố	Công suất 40-60kg/m ³	Xử lý bằng hệ thống hấp ở nhiệt độ cao kết hợp cắt nghiền và xử lý bằng công	2012	Đang hoạt động

					nghệ thiêu đốt lò đốt hai buồng		
2	Cụm 2 Trung tâm Y tế huyện Điện Biên	Xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Trung tâm Y tế huyện Điện Biên; Các phòng khám đa khoa khu vực; Trạm Y tế các xã, thị trấn và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện Điện Biên.	Công suất 15 – 20 kg/mé	Xử lý bằng lò đốt rác thải y tế FE công nghệ Nhật Bản	2012	Đang hoạt động
3	Cụm 3 Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông	Tổ 2, Thị trấn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	Trung tâm Y huyện Điện Biên Đông; Các phòng khám đa khoa khu vực; Trạm Y tế các xã, thị trấn và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện Điện Biên Đông.	Công suất 15 – 20 kg/mé	Xử lý bằng lò đốt rác thải y tế FE công nghệ Nhật Bản	2017	Đang hoạt động
4	Cụm 4 Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	Trung tâm huyện Mường Nhé	Trung tâm Y huyện Mường Nhé; Các phòng khám đa khoa khu vực; Trạm Y tế các xã, thị trấn và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện Mường Nhé.	Công suất 15 – 20 kg/mé	Xử lý bằng lò đốt chất thải y tế RHELLO	2009	Đang hoạt động
5	Cụm 5 Trung tâm Y tế huyện Nậm Pồ	Xã Nà Hỳ - huyện Nậm Pồ - tỉnh Điện Biên.	Trung tâm Y huyện Nậm Pồ; Các phòng khám đa khoa khu vực; Trạm Y tế các xã, thị trấn và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện Nậm Pồ.			Hiện Tại Bệnh viện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng mới bệnh viện trong đó có xây dựng lò đốt chất thải y tế	Đang xây dựng dự án mới
6	Cụm 6 Trung tâm Y tế huyện Mường Chà	Khối I thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà,	- Trung tâm Y tế huyện Mường Chà; - Các phòng khám đa khoa khu vực; Trạm Y	Công suất 15-20 kg/mé	Lò đốt rác thải y tế	2016	Đang hoạt động

		tỉnh Điện Biên	tế các xã, thị trấn và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện Mường Chà.		WFS-20		
7	Cụm 7 Bệnh viện Đa khoa khu vực thị xã Mường Lay	Phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	- Bệnh viện Đa khoa khu vực thị xã Mường Lay; - Các đơn vị y tế trên địa bàn thị xã: Trung tâm Y tế thị xã; Trạm Y tế các xã, phường và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn thị xã Mường Lay	Công suất 15-20 kg/mẻ	Lò đốt rác thải y tế WFS-20	2017	Đang hoạt động
8	Cụm 8: Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	Khối Xuân Trường, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo; Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng; Các phòng khám đa khoa khu vực; Trạm Y tế các xã, thị trấn và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện Tuần Giáo và huyện Mường Ảng.	công suất 15-20kg/mẻ; công suất 50 kg/giờ.	Lò đốt rác thải y tế hai buồng, công nghệ "PYROLITIC" Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nước bão hòa ở nhiệt độ cao kết hợp với nghiền cắt NIHOPHAW A-50AT.	2012 và 2018	Đang hoạt động
9	Cụm 9: Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	Đội 6, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa; - Các phòng khám đa khoa khu vực; Trạm Y tế các xã, thị trấn và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện Tủa Chùa.	Công suất 15kg-20kg/giờ	Xử lý bằng phương pháp đốt (lò đốt Model Ecogreen-20)	2015	Đang hoạt động

2.2. Tình hình thực hiện quan trắc môi trường tại các cơ sở xử lý CTR trên địa bàn Tỉnh

TT	Nội dung quan trắc	Tần suất quan trắc MT	Vị trí quan trắc MT	Cơ quan thực hiện quan trắc MT
1	Chất lượng môi trường không khí			
	Các thông số quan trắc: Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió, Áp suất, Tiếng ồn Laeq, Tiếng ồn L _{Amax} , SO ₂ , CO, NO ₂ , Ozon (O ₃), Bụi lơ lửng tổng số (TSP), Bụi PM ₁₀ , Bụi PM _{2,5} , Chì (Pb)	2 lần/năm	25 điểm	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Chất lượng môi trường nước			
	Các thông số quan trắc nước mặt : pH, Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅), Nhu cầu oxi hóa học (COD), Ôxy hòa tan (DO), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Chất rắn lơ lửng (SS), Độ dẫn điện (EC), NH ₄ ⁺ , Cl ⁻ , NO ₂ ⁻ , NO ₃ ⁻ , Tổng Nitơ, Sunphat (SO ₄ ²⁻), Tổng Photpho, PO ₄ ³⁻ , Xianua, Asen (As), Cd, Tổng số Crom (Cr), Cu, Zn, Ni, Mangan (Mn), Thủy ngân (Hg), Sắt (Fe), Aldrin, Chlordane, Lindan, Endrin, 2,4-D, 2,4,5 T, Paraquat, Alpha-BHC, Endosulfal, Dieldrin, HC BVTV Clo hữu cơ (DDTs), Heptachlor, Tổng Phenol, Fenvalerate - Hóa chất BVTV: Nhóm Pyrethroid, Permethrin - Hóa chất BVTV: Nhóm Pyrethroid, Cypermethrin - Hóa chất BVTV: Nhóm Pyrethroid, Tổng dầu mỡ, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Coliform, Paladi (Pd), E.coli, Tổng hoạt độ phóng xạ β	2 lần/năm	7 điểm	Sở Tài nguyên và Môi trường
	Các thông số quan trắc nước ngầm: pH, Độ dẫn điện (EC), Độ đục, SiO ₃ , Oxy hòa tan (DO), Chất rắn lơ lửng (SS), Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃), Tổng Photpho, Amoni (NH ₄ ⁺), Xianua (CN ⁻), Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N), Nitrit (NO ₂ ⁻), Clorua (Cl ⁻), Florua (F ⁻), Sunphat (SO ₄ ²⁻), PO ₄ ³⁻ , Asen (As), Cadimi (Cd), Tổng Nitơ, Crom tổng số (Cr), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Thủy ngân (Hg), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Selen (Se), Phenol, HC BVTV Clo hữu cơ, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Coliform tổng số, E.Coli, Hóa chất	2 lần/năm	7 điểm	Sở Tài nguyên và Môi trường

	BVTV: Nhóm Pyrethroid :			
	Chất lượng môi trường đất			
3	<p>Các thông số quan trắc: Cl^-, SO_4^{2-}, HCO_3^-, tổng K_2O, tổng P_2O_5 dễ tiêu, tổng K_2O dễ tiêu, tổng N, tổng P, tổng hữu cơ; Ca^{2+}; Mg^{2+}; K^+; Na^+; Al^{3+}; Fe^{3+}; Mn^{2+}; Kim loại (Hg, Pb, Cd, As, Cu, Zn, Fe, Cr, Mn); Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ: Atrazine ($\text{C}_8\text{H}_{14}\text{ClN}_5$), Benthocarb ($\text{C}_{16}\text{H}_{16}\text{ClNOS}$), Dalapon ($\text{C}_3\text{H}_4\text{Cl}_2\text{O}_2$), Fenoxaprop - ethyl ($\text{C}_{16}\text{H}_{12}\text{ClNO}_5$), Metolachlor ($\text{C}_{15}\text{H}_{22}\text{ClNO}_2$), MPCA ($\text{C}_9\text{H}_9\text{ClO}_3$), Pretilachlor ($\text{C}_{17}\text{H}_{26}\text{ClNO}_2$), Simazine ($\text{C}_7\text{H}_{12}\text{ClN}_5$), 2,4-D ($\text{C}_8\text{H}_6\text{Cl}_2\text{O}_3$), Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$), Captan ($\text{C}_9\text{H}_8\text{Cl}_3\text{NO}_2\text{S}$), Captafol ($\text{C}_{10}\text{H}_9\text{Cl}_4\text{NO}_2\text{S}$), Chlordimeform ($\text{C}_{10}\text{H}_{13}\text{ClN}_2$), Chlordane ($\text{C}_{10}\text{H}_6\text{Cl}_8$), DDT ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$), Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$), Endosulfan ($\text{C}_9\text{H}_6\text{Cl}_6\text{O}_3\text{S}$), Endrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$), Heptachlor ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$), Hexachlorobenzene ($\text{C}_6\text{Cl}_6$), Isodrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$), Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$), Sodium Pentachlorophenate monohydrate $\text{C}_5\text{Cl}_5\text{ONa.H}_2\text{O}$; Thuốc BVTV nhóm Pyrethroid: Permethrin ($\text{C}_{22}\text{H}_{20}\text{Cl}_2\text{O}_3$), Cypermethrin ($\text{C}_{22}\text{H}_{19}\text{Cl}_2\text{NO}_3$), Fenvalerate ($\text{C}_{25}\text{H}_{22}\text{ClNO}_3$)</p>	2 lần/năm	7 điểm	Sở Tài nguyên và Môi trường
	Các quan trắc đặc biệt khác: khí thải			
4	<p>Các thông số quan trắc khí thải: Nhiệt độ, Độ ẩm, Áp suất, Tốc độ gió, Lưu lượng, Bụi tổng, Hướng gió, Asen và các hợp chất, tính theo As, Đồng và hợp chất, tính theo Cu, Cadimi và hợp chất, tính theo Cd, Chì và hợp chất, tính theo Pb, CO, CO_2, Kẽm và hợp chất, tính theo Zn, SO_2, O_2, NO_x, NO_2, Nitơ oxit, (NO_x) (tính theo NO), Antimon và hợp chất, tính theo Sb</p>	2 lần/năm	3 điểm	Sở Tài nguyên và Môi trường

3. KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP CỦA TỈNH ĐỂ HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC BCL VÀ CƠ SỞ XỬ LÝ CTR

3.1. Các chủ trương, chính sách và giải pháp của Tỉnh

Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách môi trường về việc đổ thải, thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý CTR. Ban hành Quy chế về quản lý CTR trên địa bàn tỉnh trong đó có các nội dung cụ thể như: Phân công nhiệm vụ cụ thể và quyền hạn của các cơ quan hành chính trong công tác quản lý CTR. Yêu cầu chủ nguồn thải thu gom CTR đúng quy định. Quy định về việc đổ rác và thu gom đúng giờ và đúng nơi quy định. Cụ thể đã ban hành các văn bản:

Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án Quy hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 3613/KH-UBND ngày 06/12/2013 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt Quy hoạch chất thải rắn tỉnh Điện Biên đến 2020 tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 620/KH-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ và giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh Điện Biên quyết định phê duyệt kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 10 cơ sở xử lý chất thải đang hoạt động, trong đó 03 cơ sở xử lý rác thải bằng hình thức đốt kết hợp bãi chôn lấp (huyện Điện Biên, thị xã Mường Lay và huyện Mường Ảng); 07 cơ sở xử lý theo hình thức bãi chôn lấp, trong đó có 3 cơ sở chôn lấp rác hợp vệ sinh đáp ứng các quy định (thị trấn Điện Biên Đông ,thị trấn Tuần Giáo, huyện Mường Nhé).

Đối với chất thải Y tế: Hiện tại trên địa bàn tỉnh đang áp dụng mô hình xử lý tại chỗ, các công trình xử lý chất thải y tế đều đặt trong khuôn viên của các Bệnh viện, trung tâm y tế. Toàn tỉnh hiện có 10 cơ sở y tế được trang bị lò đốt chất thải y tế nguy hại, gồm 03 Bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh; Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh và Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh) và 07 Bệnh viện các huyện (BVĐK huyện Điện Biên, BVĐK huyện Tuần Giáo, BVĐK huyện Tủa Chùa, BVĐK huyện Mường Chà, BVĐK huyện Mường Nhé, BVĐK khu vực thị xã Mường Lay, BVĐK huyện Điện Biên Đông); Bệnh viện huyện Nậm Pồ đang thực hiện các thủ tục đấu thầu để xây lắp lò đốt.

Trên toàn tỉnh có 130 xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, tất cả các xã này đều được lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xã nông thôn mới, trong đề án quy

hoạch các xã đã xây dựng các điểm tập kết, thu gom rác thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện từng xã.

3.2. Những khó khăn của Tỉnh khi triển khai thực hiện:

Đặc điểm là một tỉnh miền núi, địa hình chia cắt mạnh quỹ đất hạn chế gây khó khăn trong việc lựa chọn vị trí đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh, đảm bảo các quy định hiện hành, địa bàn rộng, dân cư phân tán nên công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tầng lớp nhân dân cộng đồng dân cư, nhưng mức độ nhận thức về bảo vệ môi trường vẫn chưa thật sự tạo ra chuyển biến mới trong hành động về thực hiện tốt trong công tác bảo vệ môi trường của cộng đồng và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng theo quy định, hầu hết các khu dân cư trên địa bàn tỉnh chưa xây dựng được hệ thống xử lý nước thải tập trung do chưa có kinh phí đầu tư, thiếu phương tiện chuyên dụng, công nghệ hiện đại cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt nên việc xử lý chưa đạt hiệu quả cao.

Việc thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện được, một phần do thiếu nguồn vốn, nguồn nhân lực để triển khai thực hiện còn thiếu, ý thức của cộng đồng dân cư chưa cao, chưa nhận thức hết được lợi ích của công tác thu gom, phân loại rác thải.

Phần lớn các trang trại chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ không có đủ điều kiện về tài chính để thực hiện đầu tư, vận hành các công trình xử lý chất thải đạt quy chuẩn về môi trường. Trong khi đó, ngân sách nhà nước của tỉnh còn hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế cho hoạt động bảo vệ môi trường.

Phong tục tập quán của một số bộ phận đồng bào vẫn chăn nuôi theo hình thức chăn thả, nhốt vật nuôi dưới gầm sàn, gây ảnh hưởng đến môi trường sống cũng như công tác bảo đảm vệ sinh môi trường.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách cho công tác quản lý ở cấp huyện, cấp xã còn thiếu về số lượng, còn kiêm nhiệm, nên khó khăn trong công tác quản lý.

3.3. Đánh giá, đề xuất, kiến nghị

Trên địa bàn tỉnh đang gặp nhiều khó khăn trong công tác lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt do liên quan đến nguồn vốn đầu tư, cũng như hiệu quả xử lý. Vì vậy đề nghị Bộ, ngành nghiên cứu, hợp tác chuyển giao ứng dụng công nghệ tiên tiến về xử lý chất thải sinh hoạt nói riêng và chất thải rắn nói chung cho phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế của các địa phương có điểm tương đồng làm cơ sở, từ đó lựa chọn công nghệ phù hợp.

PHIẾU ĐIỀU TRA KHẢO SÁT N02.

Nhiệm vụ sự nghiệp môi trường năm 2019: “Điều tra, khảo sát xác định các chỉ tiêu kỹ thuật về khoảng cách ly an toàn về môi trường, vùng chịu ảnh hưởng đối với các công trình: thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị; thu gom và xử lý nước thải đô thị, xử lý bùn cặn của hệ thống thoát nước và xử lý bùn bể phốt đô thị và các công trình liên quan”

Sở: Tài nguyên và Môi trường

Tỉnh: Điện Biên Thành phố/ Thị xã: Điện Biên Phủ

1. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TÌNH HÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐÔ THỊ (NT) CỦA TỈNH

1.1. Thông tin về hiện trạng các trạm bơm nước thải trên địa bàn Tỉnh/TP

Số trạm bơm hiện có trên địa bàn Tỉnh/TP: Gồm 6 trạm xử lý

Trạm bơm số TB1, TB2, TB3, TB4, TB5, TB6: Thành, đáy trạm bơm BTCT mác 250#; Tấm đan nắp đáy BTCT mác 200#; Hệ thống máy bơm, hệ thống điện đồng bộ hoàn chỉnh; Bạc lên xuống thép không gỉ, lan can thép hình.

- Trạm bơm TB 1: gồm 2 bơm chìm, 1 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng với thông số $Q = 52\text{m}^3/\text{h}$. $H = 11\text{m}$, $N = 5,3\text{ Kw}$; diện tích = $9,4\text{ m}^2$

- Trạm bơm TB2: gồm 2 bơm chìm, 1 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng với thông số $Q = 71\text{m}^3/\text{h}$. $H = 12\text{m}$, $N = 7,2\text{ Kw}$; diện tích = $10,14\text{ m}^2$

- Trạm bơm TB3: gồm 2 bơm chìm, 1 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng với thông số $Q = 135\text{m}^3/\text{h}$. $H = 16\text{m}$, $N = 7,2\text{ Kw}$; diện tích = $14,69\text{ m}^2$

- Trạm bơm TB4: gồm 2 bơm chìm, 1 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng với thông số $Q = 177\text{m}^3/\text{h}$. $H = 11\text{m}$, $N = 7,2\text{ Kw}$; diện tích = $15,26\text{ m}^2$

- Trạm bơm TB5: gồm 2 bơm chìm, 1 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng với thông số $Q = 80\text{m}^3/\text{h}$. $H = 11\text{m}$, $N = 5,3\text{ Kw}$; diện tích = $10,36\text{ m}^2$

- Trạm bơm TB6: gồm 3 bơm chìm, 2 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng với thông số $Q = 266\text{m}^3/\text{h}$. $H = 11\text{m}$, $N = 15\text{ Kw}$; diện tích = $25,95\text{ m}^2$;

Tình hình hoạt động: Đang hoạt động

Các tác động tới chất lượng môi trường: Trạm xử lý nước thải đã hoàn thành việc lắp đặt các thiết bị xử lý và tiến hành chạy thử từ 09/10/2018 đến ngày 31/01/2019 mới đi vào hoạt động

1.3. Thông tin về hiện trạng xử lý nước thải /bùn thải/phân bùn bề phốt
Các trạm/nhà máy xử lý nước thải hiện đang hoạt động:

Tên trạm/nhà máy XLNT Địa điểm xây dựng	Công Suất	Loại công nghệ	Khác ^(*) (để nghị ghi rõ ở dưới nếu có)
Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Điện Biên Phủ. Xây dựng tại Thành phố Điện Biên Phủ và xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	10.000m ³ /ngđ	Công nghệ của Phần Lan (công nghệ Bể phản ứng sinh học-công nghệ hiếu khí).	

Các trạm/nhà máy xử lý nước thải dự kiến sẽ XD và đưa vào hoạt động: không có

1.4. Cơ quan quản lý các trạm/nhà máy XLNT của tỉnh/TP: UBND thành phố Điện Biên Phủ

Đơn vị quản lý vận hành	Qui mô trạm /nhà máy xử lý (m ³ /ngày đêm)		
	Nước thải đô thị	Bùn thải từ các nguồn khác nhau	Phân bùn bề tự hoại
Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên	10.000m ³ /ngày đêm		
Loại hình doanh nghiệp			

1.5. Tổng số trạm/ Nhà máy XLNT, bùn thải, phân bùn trên địa bàn Tỉnh/TP: 01

Số cơ sở xử lý nước thải tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt: 01

Số cơ sở xử lý nước thải không theo quy hoạch được phê duyệt: 0.

1.6. Các vấn đề liên quan tới BVMT đối với hoạt động của nhà máy/cơ sở xử lý nước thải/bùn thải/phân bùn bề phốt

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân trên toàn bộ thành phố Điện Biên phủ được thu gom qua các hệ thống thoát nước thành phố và chảy trực tiếp ra sông Năm Róm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến nguồn nước mặt.

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTG ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt “kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng” Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên (trước đây là hệ thống xử lý nước thải tại thị xã Điện Biên Phủ và sông Nậm Rôm thuộc thị xã Điện Biên Phủ - Tỉnh Lai Châu (cũ) sẽ được xử lý triệt để bằng hình thức Xây dựng khu xử lý nước thải tổng hợp đạt tiêu chuẩn môi trường

2. CÁC THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ MÁY/TRẠM XLNT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ

Nhà máy/Trạm 1:

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Điện Biên Phủ.

Xây dựng tại Thành phố Điện Biên Phủ và xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên.

Nhà thầu chính: Công ty TNHH Econet Phần Lan

Nhà thầu phụ thiết kế: Công ty cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt (LAVIC)

Nhà thầu phụ thi công: Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển kiến trúc đô thị (UDCC) Giám sát thi công xây dựng công trình: Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên

Công suất thiết kế :10.000.m³/ngđ.

Công nghệ của Phần Lan (công nghệ Bể phản ứng sinh học-công nghệ hiếu khí).

Nước thải tự chảy vào nhà máy xử lý qua đến trạm bơm đầu vào để bơm nước thải lên SCR. Trạm bơm nước thải này sẽ được lắp đặt 3 bơm chìm. Bơm sẽ bơm nước thải lên mương đặt song chắn rác và tự chảy từ SCR đến đầu ra bằng trọng lực.

Song chắn rác cơ giới được sử dụng để loại bỏ các cặn thô từ nước thải. Rác thu được sẽ tự động được tách khỏi song chắn rác và sẽ được nén rồi đưa vào một container. Quy trình lọc rác có một panel điều khiển tại chỗ.

Mức nước trong ngăn tiếp nhận trước song chắn rác được đo tự động và trong trường hợp mức nước quá cao, cảnh báo sẽ được gửi về PLC. Song chắn rác thô vận hành tay được lắp đặt tại kênh tiếp nhận.

Nước thải được chảy vào bể lắng cát sục khí. Lưu lượng nước sẽ được điều chỉnh bằng van cửa phai điều chỉnh lưu lượng vận hành thủ công. Cặn, cát và vật thể nặng được lắng xuống đáy bể. Hỗn hợp cặn/nước được bơm vào bể tách cát và

cát sau khi khử nước sẽ được đưa về container bằng một thiết bị truyền động. Máy sục khí sẽ chạy liên tục cấp khí cho bể lắng cát, còn bơm cát sẽ hoạt động theo chu kỳ. Lượng khí sục vào sẽ được điều chỉnh thủ công. Người vận hành sẽ điều chỉnh thời gian vận hành tối ưu cho bơm tách cát. Nước tách ra từ bể lắng cát sẽ tự chảy trở về ngăn tiếp nhận bằng trọng lực. Dầu mỡ, chất béo sẽ được loại bỏ bằng bể tách tự tràn có thể điều chỉnh thủ công và được đưa về một bể tách riêng biệt. Váng thu được sẽ được xả khỏi bể chứa khi cần thiết. Nước thu được từ bể sẽ tự chảy về trạm bơm tiếp nhận.

Sau bể lắng cát, nước sẽ được đưa về bể aroten (bể xử lý sinh học) qua buồng phân chia lưu lượng. Bể được xây bằng bê tông cốt thép và được lắp van phai điều chỉnh lưu lượng để một hoặc hai bể có thể cùng vận hành. Van phai này được vận hành thủ công. Bể aroten là một dạng bể sục khí được lắp thiết bị sục khí bề mặt. Tốc độ quay sục khí bề mặt được điều khiển để duy trì lượng oxy cung cấp đầy đủ nhưng không vượt quá giới hạn và gây tiêu tốn năng lượng không cần thiết. Quy trình sục khí được thực hiện nhờ máy sục khí nổi.

Máy sục khí sẽ đưa oxy vào trong nước thải và sau đó khuếch tán và đưa vào các tầng nước làm giàu lượng oxy trong bể. Nguyên tắc hoạt động của máy sục khí bề mặt là: bùn hoạt tính được nâng lên từ phần dưới của bể bằng một ống dẫn. Bơm truyền động sẽ bơm nâng chất lỏng chảy qua ống dẫn lên bề mặt và dòng chất lỏng sẽ bị bề hướng từ hướng dọc trục sang hướng tỏa tròn nhờ động cơ quay hình nón. Chất lỏng được dẫn khí vào khi tiếp xúc trong không khí và tiếp xúc đây với lớp nước bề mặt. Ống dẫn sẽ giúp việc khuếch tán lưu thông nước hiệu quả với máy sục khí nổi bề mặt, ngăn không cho hỗn hợp bùn hoạt tính lắng xuống. Thiết bị đo oxy được đặt trên bể sục khí để kiểm soát mức oxy sục vào bể. Người vận hành sẽ cài đặt mức oxy cần thiết từ hệ thống điều khiển. Lượng oxy cần thiết sẽ được duy trì bằng cách điều chỉnh công suất máy sục khí nổi bề mặt.

Bể lắng thứ cấp thiết kế bể hình tròn có đường kính 21m như thiết kế đã được phê duyệt. Mỗi bể sẽ được lắp đặt một van cửa phai điều chỉnh lưu lượng. Hai bể lắng ly tâm hình tròn sẽ được trang bị các thiết bị cào bùn và mương tự tràn. Thiết bị cào bùn sẽ có điều khiển báo động trong trường hợp momen lớn và vận hành bị gián đoạn.

Bùn lắng tích lại ở giữa bể lắng sẽ được bơm trở về bể aroten gọi là bùn hoạt tính. Công suất bơm bùn tuần hoàn trở về sẽ được người vận hành điều chỉnh bằng 50...150% lưu lượng đầu vào. Lưu lượng bùn tuần hoàn sẽ được đo và gửi thông tin về hệ thống điều khiển Scada.

Lượng bùn thừa được bơm đến bể nén bùn để khử nước. Hệ thống bơm bùn được lắp đặt tại trạm bơm bùn tuần hoàn. Người vận hành cài đặt quy trình tại hệ thống xử lý. Lượng bùn dư cũng sẽ được đo và gửi thông tin về hệ thống điều khiển trung tâm.

Bể nén bùn trọng lực để giảm bớt nước từ lượng bùn dư ở bể lắng thứ cấp trước khi đưa đến máy ép bùn băng tải để làm khô bùn.

Việc khử trùng được tiến hành bằng thiết bị chiếu tia UV để đảm bảo khử trùng nước đáp ứng yêu cầu nước thải đầu ra;

Nước thải sau hệ thống xử lý của nhà máy xử lý nước thành phố Điện Biên Phủ đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, hệ số áp dụng $K=1,0$ (áp dụng với khu dân cư lớn hơn 50 căn hộ).

Nước thải sau khi được khử trùng sẽ được xả vào một hồ chứa để tăng cường khả năng tự làm sạch của nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.